

NHỮNG VỊ ÂN SƯ TRONG ĐỜI TÔI

Kính dâng hương hồn phụ thân, người
đã cho con niềm tin Phật Pháp.

VỊ THẦY THỨ NHỨT: BA TÔI

Trẻ con thì thật buồn cười, có thể khóc la chỉ vì một lời nói cồng con. Tôi còn nhớ câu chuyện cãi vã giữa tôi và thằng Đuốc. Lêu, lêu, lêu, thầy giáo lá, ăn cháo cá hồng trả tiền. Lêu, lêu, lêu, thầy giáo lá, ăn cháo cá hồng trả tiền.

Tôi vừa chạy theo thằng Đuốc, vừa khóc, vừa la: “Mày nói bậy, mày nói bậy, tao mét ngoại mày.”

Bà Năm từ trong nhà bước ra, kêu thằng Đuốc đứng trước mặt tôi mà nói: “Cả vùng này có mình ba nó thi đậu được học để làm thầy giáo, còn bà ngoại nó thì là người nhân đức đã giúp đỡ gia đình mình, con không được chọc phá nó, nghe chưa!” Tôi chạy u về nhà xà vào lòng mẹ, hã hê vì lời Bà Năm nói, nhưng vẫn còn thắc mắc tại sao bà ngoại mình là người ân của gia đình họ.

Ba tôi cho biết lúc còn sanh tiền, cứ vào dịp tháng Tư và tháng Bảy âm lịch thì ngoại tôi mua hàng trăm bao gạo để bố thí cho người nghèo khổ và cũng vào tháng Bảy mỗi năm gia đình nào có thân nhân qua đời mà không đủ tiền mua hòm hay lo việc tống táng thì bà ngoại tôi lo hết. Mẹ bà Năm qua đời và được bà ngoại tôi lo tử tế, nên bà nhớ ơn ngoại.

Ông nội tôi thứ tám là con út trong gia đình chỉ có ba người con còn sống. Ông nội tôi qua đời khi ba tôi được mười tuổi, chú Ba bốn tuổi và cô Tư vừa lên một tuổi. Ông Bác Hai và ông Bác Sáu là người giàu có trong vùng. Ông Bác Sáu tôi có xây một cái chùa ở xóm Bình Hòa vùng Chợ Lớn. Ngôi chùa có tên là Phổ Đà. Ông Bác Sáu phải ra tận Quảng Nam rước một thầy về làm Giáo Thọ. Ông Bác Sáu tôi không biết rành chữ Hán, vì ông vốn là Y tá trong bệnh viện Nam Việt. Ông lập nhà bảo sanh rất lớn vào thời đó trong vùng này nhưng sau khi xây chùa rồi thì đi tu. Chùa có tượng Di Đà cao gần hai mét bằng gỗ mít, tượng được sơn son thiếp vàng.

Ba tôi sống hơn ba năm tại ngôi chùa này. Ba cho biết là cũng vào ngày rằm tháng bảy, ba cùng ông bác Sáu đi khắp mọi nơi trong vùng phát tiền và vải cho người nghèo. Và cứ mỗi cuối tuần là ba đi lượm giấy chữ Nho đem về đốt; ông bác Sáu giải thích việc làm này là vì chữ Nho in kinh Phật nên không được sử dụng bừa bãi. Ba còn nói vào những độ trăng rằm, cả chùa cùng nhau ra lạy mặt trăng. Đến năm 1960 khi hai phi hành gia người Mỹ

đầu tiên đặt chân lên thăm chị Hằng, ba nói phải chi ông bác Sáu còn sống thì ông sẽ cười phì khi thấy điều phi lý của việc mình làm.

Thầy Phước Thái thường nói cái gì cũng phải có nhân duyên cả. Tôi kể lể dài dòng để cho thấy ba tôi cũng có chút ít vốn liếng về Phật pháp nên đã dạy dỗ tôi. Vậy Ba là vị thầy đầu tiên đã gieo duyên lành khiến cho mấy chị em tôi biết được giáo lý cao cả này.

Tối tối, ba thường đem chuyện về cuộc đời Đức Phật và những chuyện cổ tích tương tự kể cho chúng tôi nghe. Sau cơm chiều, vào mỗi tối thứ Bảy và Chúa Nhật, ba tập chúng tôi ngồi xếp hàng trước bàn thờ Phật đọc sám hối. Nói là đọc chứ thật sự là chỉ nghe ba tụng mà thôi. Ba nhắc lại lời Ông bác Sáu tôi nói là mình tội lỗi nhiều chỉ cần sám hối, tâm hồn được thanh thản thì được an lành mà không cần phải cầu an gì nữa.

Ngang hông trường tôi học là Chùa Xá Lợi. Mỗi năm chúng tôi được ba đưa đến chùa vào tối 30 Tết, đọc kinh rồi dự tiệc trà đạo vị do Ngài Chánh Trí Mai Thọ Truyền tổ chức, Tôi không nhớ rõ năm nào của thập niên năm 1950, Hội Phật Học Nam Việt do Ngài Chánh Trí Mai Thọ Truyền làm Hội Trưởng, Bác sĩ Cao Văn Trí là Phó Hội Trưởng ra đời và ba là hội viên. Vào những năm cuối thập niên 60, kiếm được một buổi thuyết giảng thì thật là khó, cho nên hễ lần nào ngài Mai Thọ Truyền thuyết giảng là ba cố động cả nhà cùng đến nghe. Có lần thầy Thông Khâm cũng giảng tại giảng đường chùa với bài pháp nói về nhân duyên giữa cha mẹ và con cái. Ba khen thầy Thông Khâm giảng hay, có tính triết lý và khoa học. Tôi thầm cảm ơn trời Phật đã cho tôi cái nhân duyên được làm con ba mẹ tôi, người đã hướng dẫn tôi theo đúng đường. Thầy Thông Khâm từng là giảng viên thuộc phân khoa triết học tại viện Đại học Văn khoa thời đó. Thầy vốn là tu sĩ phái Nam Tông đã hoàn tục. Hai vợ chồng thầy qua đời trong một trường hợp rất bi thương mà tôi không dám thuật lại; các vị tu sĩ bạn đều cho là chẳng qua là sự ứng nghiệp và phải trả của thầy.

Ngài Chánh Trí ra đi rất nhẹ nhàng và bình yên trong sự thương tiếc của mọi người. Ba tôi cho đó là sự mất mát lớn của Hội Phật Học Nam Việt; Vì ngài Chánh Trí thuyết pháp với lời lẽ rõ ràng mạch lạc, với lý luận vững chắc, có tính khoa học và lại biết cách điều hành cùng tổ chức Hội Phật Học Nam Việt thành công. Phải ba còn sống đến ngày nay để được nghe thầy Phước Thái giảng và thấy cách thầy sắp xếp, tổ chức đạo tràng cùng các khóa tu học chắc ba cũng sẽ rất hài lòng.

Sau này, mỗi lần nhắc đến ngôi chùa của Ông bác Sáu thì tôi lại nhớ câu nói của thầy Phước Thái: “Hễ cái gì thuận duyên thì hợp, mà nghịch duyên thì rã.” Ông bác Sáu tôi cũng biết điều thuận nghịch sẽ đến với cái chùa nên đã không để ba tôi thừa tự nó, mặc dầu ông không có đứa con nào cả và ba tôi là cháu đích tôn trong dòng họ.

Cuối thập niên năm 1930, Ông bác Sáu tôi viên tịch, cái chùa bị các người con nuôi tranh dành và bán rẻ cho một người đạo Thiên Chúa, quốc tịch Pháp. Đúng vào thời điểm mà những

người Pháp làm chủ tình hình của đất nước ta. Cô Tư N, con nuôi của ông bác Sáu tôi có người bạn trai với đầy đủ uy quyền để mua ngôi chùa và miếng đất với giá tượng trưng. Không một người nào trong dòng họ tôi dám có một lời phản đối và cũng không ai được chia phần trong việc mua bán này chỉ trừ cô Tư N. Đó là điều mà ba tôi thường an ủi nội là mình không mang tội bán chùa. Ngôi chùa bị phá đi để làm trại cưa. Bà nội trước đã giận ông bác Sáu vì tội không chịu lấy tiền chùa nuôi bốn mẹ con cô út của bà; giờ lại còn giận hơn khi biết ba tôi không được thừa tự ngôi chùa đó. Thật ra thì bên cạnh ngôi chùa là miếng đất gần hai mẫu tây đó là phần giá trị mà nội tôi và mọi người đều muốn. Theo lời mẹ tôi kể lại thì ông bác Sáu tôi nói tiền chùa là tiền của bá tánh không thể lấy để nuôi người thân được; và lại ông cũng biết bà nội tôi có máu bài bạc mà ba tôi thì lại rất có hiểu; bà nội mà muốn điều gì thì ba sẽ tuân theo.

Vào Tết Mậu Thân năm 1968, ba được tin cô Tư N, con nuôi của ông bác Sáu tôi, người đứng ra bán ngôi chùa không hiểu rõ vì sao lại bị Việt cộng chém chết tại vùng ngoại ô của thành phố Saigon mà không ai dám đến phúng viếng. Ba đọc một thời kinh cầu siêu cho cô Tư N tại nhà, rồi ba đến trước bàn thờ ông bác Sáu lâm râm khấn nguyện điều gì mà cả đám chúng tôi đều không biết

Theo lời cậu Bảy tôi thì người phá ngôi chùa của ông bác Sáu làm ăn thua lỗ, bán trại cưa và miếng đất rồi về vùng ngoại ô Saigon cạnh một ngôi chùa nhỏ mua miếng đất ở đó. Không biết lý do gì, sau đó ông ta theo đạo Phật. Khoảng năm 1975, ông mất sau những năm tháng dài của cơn bạo bệnh và được chôn sau cầu tiêu của ngôi chùa nhỏ đó. Phần đất nơi tọa lạc ngôi chùa của ông bác Sáu được một người Hoa mua lại và lập đền thờ Quan Thánh. Ba tôi ngậm ngùi nói: “Như vậy thì tốt hơn làm trại cưa!”

Năm tôi học lớp Đệ Lục, ba chở tôi trên chiếc xe mô-bi-lét đến tiệm đồ cổ ở đường Đồng Khánh quận Năm. Ba nói nhỏ là trong khi ba nói chuyện với người chủ thì tôi đến sau tượng ở dưới cái bệ bên chân trái của Đức Di Đà xem là có khắc một hàng số hay đúng ra là bài toán nhơn thì báo cho ba biết. Tôi tìm ra được khoảng sơn tróc và hàng số lí nhí, mờ phai theo thời gian. Chùa Xá Lợi không hợp cho bức tượng đó ba nói. Ba, bốn tháng sau ba trở lại thì người chủ cho biết có người đã rước bức tượng rồi. Trở về nhà buồn bã, ba cho chúng tôi biết bức tượng khơi lại cả quãng đời thơ ấu khi ba còn ở với ông bác Sáu, nơi mà đạo Phật đã thâm nhập vào tâm hồn ba. Bốn tháng qua ba cố gắng tìm một ngôi chùa để an vị, nhưng duyên chưa đến, biết làm sao bây giờ!

Ba tiếp tục hướng dẫn cho chúng tôi có niềm tin về đạo Phật một cách nhẹ nhàng là tạo thói quen cho chúng tôi đi chùa khi có dịp và cơ hội đến. Ba lại càng đọc kinh nhiều hơn khi nội tôi mất và cứ mỗi tháng Bảy là ba cùng chúng tôi đọc kinh Địa Tạng. Mẹ tôi nói ba muốn đọc kinh cầu nguyện cho hương hồn nội tôi sớm giải thoát vì bà tôi thường nặng lời với ông bác Sáu. Sau khi ba vượt biên thì mẹ con chúng tôi lại càng đến chùa thường xuyên hơn.

Ba qua Úc năm 1982, mãi đến ba năm sau tôi mới vượt biên được để sum họp cùng ba. Khi đi tôi đem bức hình của mẹ tôi đã qua đời trong cơn bạo bệnh tại Việt Nam và tượng đồng Đức Phật Thích Ca mà thầy giáo Lại, bạn ba đã thỉnh khi đi qua Ấn Độ vào năm 1958.

May mắn là khi qua Úc được hai năm thì tôi được làm việc tại Trung tâm cung cấp nhà cho những người có lợi tức thấp. Ông Giám Đốc trung tâm đã tận tình giúp đỡ cho ba và em tôi có được một căn nhà khang trang với giá thuê rẻ. Ông Giám Đốc là người Ái Nhĩ Lan, hễ nói đến dân Ái Nhĩ Lan, thì phải biết là dân gốc đạo Thiên Chúa từ bao nhiêu đời, nói nôm na là đạo dòng. Nên khi ông ngõ lời cưới, tôi quỳnh quáng chạy về hỏi ba là tôi phải xử sự thế nào cho phải vì tôi không muốn vì lấy chồng mà phải bỏ đạo. Lúc đó ba nhẹ nhàng bảo: “Con đến nguyện cầu Tam bảo cho con một giải quyết thỏa đáng”. Tôi đến chùa Pháp Bảo cầu nguyện y như ba bảo. Qua tuần sau, đi làm lại tự nhiên ông Giám Đốc hay ông xã tôi bày giờ cho biết là tôi không bắt buộc phải theo đạo nếu chúng tôi làm đám cưới và ông còn nói nên nhờ vị tu sĩ Phật giáo chứng minh cho đám cưới chúng tôi. Vài năm sau, ông xã tôi quy y khiến ba rất hài lòng nhưng ba vẫn hỏi tôi: “Con đã bắt buộc hay tự ý nó làm?” Tôi thưa với ba: “Thưa ba, ở xứ Úc này không ai có thể bắt người khác làm những điều mà họ không muốn, và lại ông đã không ép con theo đạo ông thì con không có quyền bắt buộc ông theo đạo con.”

Cuối đông năm 1993, tôi đưa ba về lại căn nhà xưa, sau trường Petrus-Ký. Ba sống lại những giờ phút êm đềm cùng những người bạn như bác Trần Hữu Vãng, bác Lê Văn Tài; những người đã một thời giữ các chức vụ quan trọng tại trường Petrus-Ký và Bộ Giáo Dục cũ.

Đầu thu năm 1994, đàn con năm đứa từ Sydney đáp chuyến bay trở về Việt Nam họp cùng hai người còn lại và một số bạn hữu của ba đã đưa ba đến nơi an nghỉ cuối cùng. Ba ra đi cũng khá nhẹ nhàng bên những người bạn thân yêu và trên mảnh đất quê hương nơi mà ba đã từng là một người con hiếu thảo của nội tôi; một chiến sĩ can cường của Đệ Tam Sư Đoàn kháng chiến chống Pháp; một người bạn đạo và đồng nghiệp của bác Trần Hữu Vãng, bác Tăng Văn Chương, bác Lê Văn Tài vân vân và là một người cha kính yêu vô vàn của những đứa con ba.

VỊ THẦY THỨ NHỊ: THẦY NARADA

“Giữa những cảnh được thua; danh thơm và tiếng xấu; ca tụng và khiển trách; hạnh phúc và đau khổ, chúng ta hãy giữ tâm bình thản.”

Tôi xin trích câu cuối cùng trong bài giảng “Những Bước Thăng Trầm” của Thầy Narada để nói về vị thầy thứ nhì của mình. Nếu vị thầy thứ nhất đã uốn nắn tôi gần nửa thế kỷ thì đối với vị thầy thứ nhì này thì phải nói thời gian gặp gỡ giữa tôi và thầy Narada rất là ngắn ngủi.

Thăng Nghĩa bỏ nhỏ vào tai mấy đứa tôi là cô giáo sinh tên Hoa ở trường Tiểu Học Sư Phạm Thực Hành sẽ hướng dẫn chúng

tôi tới gặp Đại Đức Narada tại chùa Kỳ Viên , đưa nào thích thì đến chùa lúc 1.30 giờ ngày hôm sau. Tôi xin phép ba mẹ rồi đến chùa. Thành Nghĩa là đưa phá phách cũng có hạng trong lớp, vậy mà ngày hôm đó trông nó hiền lành và ngoan ngoãn như con mèo uớt. Nó dẫn tôi vào chánh điện thì đã có cô Hoa, con Hùng, thằng Minh, thằng Trường, con Mỹ Duyên, con Ngọc Mỹ sẵn đó rồi. Sau tôi thì có con Tại, con Mỹ, con Tư và thằng Phúc. Cô Hoa xếp đặt cho chúng tôi đứng một góc trong chánh điện, rồi cô mời Đại Đức ra.

Người tu sĩ Ấn Độ này có nhân duyên rất lớn với tín đồ Phật Giáo Việt Nam vào thời ấy, nhứt là đối với phái Nam tông. Với khuôn mặt xương xương, làn da nâu xạm, dáng người cao, gầy gò nhưng tỏa ra vẻ uy nghi và đức độ. Thầy ngồi trên chiếc ghế mây rồi khoát tay bảo chúng tôi ngồi xuống .

Thầy nói tiếng Việt với giọng trợ trợ:

- Các con có khỏe không ?

Cô Hoa dạy chúng tôi cách vấn an thầy và lạy thầy ba lạy. Theo phái Nam tông khi gặp thầy để tỏ lòng tôn kính thì mình nên lễ thầy ba lạy. Thầy khoát chiếc y vàng biểu tượng của Đức Thế Tôn; mà khi mình lạy thầy thì tưởng như lạy Đức Phật vậy; còn về vị thầy mà được lạy thì nên cố gắng giữ mình cho trong sạch để không hổ danh là người đã khoát chiếc y vàng của Phật. Định đã giải thích điều này khi tôi thắc mắc. Sau này khi đọc quyển Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải của thầy Phước Thái trong Phẩm Song Yếu trang 18 có đoạn nói: "...người xuất gia khi mặc vào mình chiếc áo cà sa thì phải rời bỏ những điều uế trược." Vậy thì lời giải thích của Định không đi quá xa với lời thầy Phước Thái giảng. Hôm đầu năm 2005 đi lễ chùa do thầy Phước Tấn hướng dẫn, khi qua đến chùa Miên thì thầy Phước Tấn cũng quỳ lạy thầy Cả chùa Miên ba lạy. Tôi có nói với những người bạn đi cùng, ngoài đức khiêm cung, thầy trụ trì của chúng tôi còn là người am tường mọi việc và xử sự rất khéo.

Đối với phái Nam Tông thì chánh điện chỉ có hình tượng của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật mà thôi, một tượng vị giáo chủ của chúng ta cũng đủ tạo vẻ trang nghiêm rồi. Ngôi chánh điện rộng lớn và yên lặng khiến cho chúng tôi cảm thấy mình thật là nhỏ bé. Cô Hoa chỉ bảo chúng tôi từng bước một.

Sau khi chúng tôi ngồi yên, thầy Narada rút từ trong bị ra chiếc túi nhỏ, rồi để ngang ngực và đọc một bài chú mà chúng tôi chẳng hiểu là nói gì. Lần lượt mỗi đứa chúng tôi đến quỳ trước mặt thầy rồi xưng tên mình . Thầy lập lại tên từng đứa một và đưa bàn tay ấm áp xoa đầu chúng tôi, rồi dùng ngón tay cái ấn lên trán của mỗi đứa trước khi trao tượng Phật nhỏ cho chúng tôi. Sau đó Thầy trò chúng tôi cùng niệm ba lần câu: " Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật."

Thầy đứng lên từ giã chúng tôi rồi lui vào hậu liêu. Cô Hoa tiễn chúng tôi ra cửa. Trước khi chia tay cô nói một câu mà khi ra về tôi còn thắc mắc. Cô nói: "Mấy em có phước lắm được Đại Đức làm lễ, ít có ai được vậy."

Tôi đem điều này hỏi ba. Ba không giải thích mà nói:

- Các con có thiện duyên lớn với thầy Narada.

Từ buổi gặp thầy trở đi, tôi không còn thấy cô Hoa nữa, vị thiện tri thức đã tạo duyên lành cho chúng tôi. Sau này để nhớ đến cô tôi sắp xếp học trò đi du khảo tại những ngôi chùa nổi tiếng của xứ Úc như chùa Thái Lan ở Bundanoon, chùa Wat Buddha Dhamma trong công viên quốc gia nằm về phía bắc của thành phố Sydney, chùa này gần Đại Tông Lâm của chùa Phước Huệ ; chùa Nam Thiên của người Đài Loan tại Woollongong; chùa Phước Hậu trước cửa vào trường Cabramatta của tôi. Năm 2005, lớp tôi đến chùa Quang Minh, một duyên may là ngày hôm đó mặc dầu rất bận nhưng thầy trụ trì Phước Tấn vẫn tiếp lớp tôi và cho chúng tôi hai thời pháp ngắn. Một nói về "Ý nghĩa của ngày lễ Vu Lan" và hai là "Cách thờ cúng ông bà, cha mẹ của người Việt Nam". Kỷ niệm ngày nào sống lại trong lòng tôi. Ngày hôm đó, tôi trở về nhà thấp nén hương tưởng niệm thầy Narada. Năm tôi đỗ Tú Tài phần hai, ba mua cho tôi cuốn "Những Bước Thăng Trầm" của thầy viết. Chắc ba cũng liệu là con đường sắp tới còn nhiều chông gai. Ba muốn tôi nên luyện cho mình những đức tính mà thầy Narada đã hướng dẫn. Nhưng có lẽ vì tuổi trẻ còn nhiều háo thắng nên xem là để xem chứ không thật sự để tâm nghiên cứu mà thấy được cái tinh hoa của nó.

Cuối năm 1975 tôi theo chân Mỹ Châu đến chùa Ấn Quang để thăm thầy Trí Quảng và để dự lễ thọ Sa Di của người bạn đạo thì tôi gặp Mỹ Duyên, nàng cho biết hôm nay Ngọc Mỹ cũng làm lễ thọ Sa Di, hai vị này đã cùng tôi đến thăm thầy Narada thuở nọ. Tôi bồi hồi thương cảm cho thân chưa giác ngộ của mình. Cứ mỗi lần thầy Narada đến Việt Nam là ba nhắc tôi nên đến thăm thầy hoặc đến nghe thầy thuyết giảng. Những lần đầu tôi còn hăm hở đến chùa vì từ nhà tôi bước qua đường Lý Thái Tổ rồi quẹo phải thì tới đường Phan Đình Phùng là có thể thấy chùa Kỳ Viên, nhưng không lần nào tôi nhìn được thầy vì số người đến quá đông mà ngôi chánh điện thì quá nhỏ. Tôi bỏ cuộc cho đến khi thầy viên tịch, ba đưa tờ báo trên trang nhứt có ghi: "Ngài Narada, người hiền đức được mọi người tôn sùng như vị Phật sống tại Tích Lan đã viên tịch." Ba và tôi đi lễ chùa để lạy Phật rồi lễ thầy, tôi biết ba cũng quý thầy lắm. Tôi về nhà cầm quyển "Những Bước Thăng Trầm" đọc lại và cảm thấy gần thầy hơn.

VỊ THẦY THỨ BA: THẦY BỬU CHƠN

Chị Bạch và Định nói trong sự thân tình là hể quý vị ấy là đệ tử của thầy nào thì tôi là đệ tử của thầy đó, cho nên hể quý vị đó đi chùa nào là tôi đi chùa đó. Định, Mỹ Châu và tôi cùng dạy chung trường tại Thủ Đức. Chúng tôi đều là những đứa đọc thân và ... khó tính, thích đi chùa hơn đi những nơi khác.

Cái thuở mà tôi còn ốm tong, ốm teo như bộ xương cách trí đẹp, Định thường đeo tôi cùng chị Bạch trên chiếc xe Honda đi khắp mọi nơi từ chùa này đến chùa khác. Chùa Phổ Minh nơi mà Thầy Bửu Chơn làm trụ trì nằm trong quận Gò Vấp. Chùa có một cái tháp xây bằng gạch, Định cho biết là khi bắt đầu xây dựng ngôi tháp này, quý thầy đã căng chỉ bảy màu chung quanh chu vi của miếng đất xây tháp, rồi các thầy luân phiên đi vòng quanh miếng đất để xây tháp này trong bảy ngày bảy đêm mà

chú nguyện. Trước đó tôi có thắc mắc không hiểu tại sao lại là chỉ bảy màu và lại phải chú nguyện trong bảy ngày bảy đêm. Chị Bạch và Định cũng không trả lời được mà quý vị chỉ nói đến việc chú nguyện làm tinh khiết nơi đây để quý thầy rước ngọc xá lợi của Phật về an vị. Sau này, khi thầy Phước Thái giảng thì tôi mới hiểu được sự liên quan giữa con số bảy và đạo Phật.

Kiến trúc Chùa Phổ Minh vào thời đó rất đơn sơ, ngoài ngôi Tháp Báo và trai phòng bằng gạch còn lại là gian nhà lá vách tre nhưng được cái là rất mát vì xung quanh bao bọc bởi những tàng cây to. Thầy thường nằm trên chiếc võng vào những buổi trưa hè sau khi độ ngọc. Không ai được phép vắng lai đến trai phòng, Chị Bạch và Định gọi thầy bằng sư nên tôi cũng gọi thầy bằng sư. Chúng tôi thường đến vấn an và hỏi chuyện sư nơi gian nhà tre bỏ ngõ cũng tương tự như gốc ngoài nơi bán bún Huế của chùa Quang Minh nhưng nhỏ hơn nhiều. Cũng tại nơi đó tôi được sư dạy cho cách ngồi tĩnh tọa theo phái Nam Tông. Cũng nơi đây vào rằm tháng Tư, sư thường cho chúng tôi chiêm bái Ngọc Xá Lợi của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Ba viên ngọc này do thầy Narada tặng. Một viên to bằng đầu mút đũa, viên thứ nhì nhỏ bằng phân nửa và viên thứ ba nhỏ hơn viên thứ nhì.

Trước khi chiêm bái sư thường ban cho chúng tôi một bài pháp ngắn. Chúng tôi xếp hàng một, rồi lần lượt đến chiếc bàn nơi mà sư đặt chiếc đĩa có ba viên Xá Lợi. Muốn thấy rõ hơn thì chúng tôi dùng chiếc kính phóng đại. Thật kỳ diệu, chỉ nhìn bằng mắt trần mà chúng ta cũng có thể thấy ánh ngũ sắc của viên ngọc, mặc dầu đây chỉ là xương đã bị đốt.

Sư nói rồi vào một ngày nào đó có thể hàng triệu năm sau, theo Đức Phật thuyết thì tất cả các viên ngọc xá lợi trên toàn cầu sẽ gom lại cùng với các nguyên tử và phân tử khác đã bị phân tán để kết hợp thành hiện thân Đức Thích Ca Mâu Ni. Sư còn cho biết sở dĩ mà hàng năm sư tổ chức lễ chiêm bái này vì sư muốn tạo nhân duyên cho chúng tôi về sau. Thuyết nguyên tử học xác nhận điều mà Đức Phật nói có thể xảy ra.

Sư Bửu Chơn là bạn rất thân của thầy Narada và ba của thầy Hộ Giác. Phật giáo Nam Tông không có từ Huệ Thượng để gọi những bậc thầy có tuổi đạo cao. Sư thông thạo tiếng Pali cũng giống như các thầy phái Bắc Tông thông thạo Hán tự. Cố nhiên là sư rất rành tiếng Miên, Lào và tiếng Pháp vì trước đó sư ở bên Miên.

Ngoài các bài Pháp sư ban cho, sư còn dạy chúng tôi tọa thiền và niệm những bài chú ngắn theo tiếng Phạn.

Sau năm 1975, nhà nước muốn nắm dân nên lập ra Hội Đồng Tôn Giáo và mời các tu sĩ làm đại diện. Bên Thiên Chúa thì Cha Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình làm Đại diện; còn bên Phật Giáo mặc dù mời mọc và có tính đe dọa nhưng mà có nhiều thầy đã viện cớ này cớ nọ để thoái thác. Cuối cùng, sau nhiều lần được mời sư nhận lời. Sư nói với chúng tôi là sư già rồi cũng chẳng cần phải thiết hơn với ai cả, nhưng nếu không ai ra thì họ sẽ kiếm người để đưa lên, có thể là người chẳng biết chút gì về Phật pháp cả, rồi đôi khi làm càn, còn nguy hại cho Phật giáo đồ mình hơn nữa.

Tôi về nói lại điều này với ba, ba cho là sư cao kiến. Lúc đó em trai tôi gọi sư là “Sư quốc doanh” Ba tôi rầy nó rồi giải thích cho em tôi biết. Ít ra cũng có người hiểu được lòng sư.

Từ lúc đó chúng tôi ít gặp sư hơn vì ngài bận nhiều công vụ. Từ năm 1975 trở đi tới khoảng 1985 thì kinh tế Saigon thật là bế tắc, dụng cụ thuốc men thiếu thốn. Chị Bạch và Định cho biết là chắc đã đến ngày rồi vì càng lúc thì nhà nước càng mời sư đi họp thường xuyên hơn mà bệnh về đường ruột hay bao tử gì đó của sư càng trở nặng và sư cũng đã báo cho hàng đệ tử thân tín biết. Cuối cùng thì cũng phải đến thôi, trước khi qua Miên theo phái đoàn ủy lạo chiến sĩ sư đã sắp đặt mọi việc. Định đến báo cho tôi biết chắc là sư qua không khỏi vì ngài trở bệnh nặng. Trên con đường từ Miên trở về Việt Nam sư viên tịch.

Đám tang sư được cử hành trọng thể. Cả con đường Phan Đình Phùng từ chợ Bàn Cờ đến cuối đường chỗ ngã tư Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng là nơi Bồ Tát Quảng Đức tự thiêu đầy nghẹt người đến đưa tiễn sư. Chánh quyền thời ấy không thích tụ tập đông, mà cũng theo tin hành lang là họ không muốn ai cũng được đưa tiễn đông như bác Hồ của họ. Thế là lệnh giải tán được đưa ra, công an đuổi chúng tôi về. Có nhiều người lẫn vào những ngõ hẹp của xóm Bàn Cờ chờ đưa linh sư nhưng đều bị giải tán. Tin sư mất đưa lên trang nhứt của bài báo, hình ảnh về tang lễ của sư cũng được đưa lên báo.

Chùa Phổ Minh từ khi vắng bóng sư khách thập phương tới cũng thưa dần. Ba tôi nói nhìn khách thập phương đến lễ chùa là biết được đức độ của vị trụ trì ở chùa đó.

Vào năm 1991, ba và chúng tôi trở về Saigon rồi lại ăn Tết. Vào ngày đầu năm chúng tôi mượn xe ra Vũng Tàu để viếng các thắng cảnh tại đây, nhân đó chúng tôi đến Thích Ca Phật Đài.

Trước cổng vào, nơi đặt viên đá đầu tiên có ghi ngày... tháng...năm 196.. cùng tên Thượng Tọa Thích Bửu Chơn và Đại Đức Narada là những người đã làm lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng cảnh này. Tôi đứng trầm ngâm mặc niệm và niệm 3 lần Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật để tưởng nhớ đến hai vị ân sư trong đời tôi..

Thành kính thấp nén hương tưởng niệm những vị ân sư

Cuối đông năm 2005,

Diệu Thông

